BSI Academy

Lich đào tạo 2026

Training Calendar 2026

Trực tuyến
Trực tiếp
Kết hợp Hybrid
Theo học phần (Modules)
Tại Doanh Nghiệp

© 2025 BSI. All rights reserved.

Nội dung

03 Chào mừng

04 Cổng thông tin học tập của khách hàng (CLP)

05 Danh mục đào tạo

06 Chương trình xác nhận năng lực Đánh giá viên

07 Đánh giá viên trưởng CQI - IRCA

08 Phát triển bền vững

13 Niềm tin Kỹ thuật số

14 Trí tuệ nhân tạo

15 Môi trường xây dựng & BIM

17 Quản trị, Rủi ro và Tuân thủ

18 Thực phẩm và Bán lẻ

20 Giao thông và Phương tiện di động

22 Chăm sóc sức khỏe và Thiết bị Y tế

23 Sức khỏe, An toàn và Phúc lợi

24 Quản lý Chất lượng

25 Lean, Six Sigma và Lean 6 Sigma

27 Các công cụ cải tiến quán trình

29 Phát triển năng lực cá nhân

31 Thông tin liên hệ

https://www.bsigroup.com/vi-VN/
+84 28 3820 0066
info.vietnam@bsigroup.com

© 2025 BSI. All rights reserved.

Chào mừng

Tại học viện đào tạo BSI, trọng tâm của chúng tôi là hỗ trợ bạn xây dựng kiến thức và kỹ năng để gia tăng giá trị cho Tổ chức của bạn, đồng thời phát triển sự nghiệp của bạn.

Phạm vi giải pháp học tập của chúng tôi bao gồm Niềm tin Kỹ thuật số, Sức khỏe, An toàn và Phúc lợi, Quản lý chất lượng, và Phát triển bền vững. Được cung cấp trực tiếp, trực tuyến với sự hướng dẫn của Giảng viên hoặc trực tuyến tự học – Các khóa học của chúng tôi cung cấp cho bạn Xác nhận năng lực BSI được công nhận trên toàn cầu, cho phép bạn nâng cao kỹ năng và chứng minh giá trị của bạn đối với Tổ chức của bạn.

Tôi tự hào là một thành viên của đội ngũ BSI, nơi cung cấp các cơ hội học tập và phát triển đầy ý nghĩa, giúp bạn phát triển và trưởng thành.

Chúng tôi mong muốn hỗ trợ bạn trên hành trình học tập của bạn với BSI.

Chris Wright

Commercial Learning Director, BSI Academy

https://www.bsigroup.com/vi-VN/
+84 28 3820 0066
info.vietnam@bsigroup.com

© 2025 BSI. All rights reserved.

BSI - Cổng thông tin học tập của khách hàng (CLP)

Bắt đầu hành trình học tập của bạn với
BSI Client Learning Portal

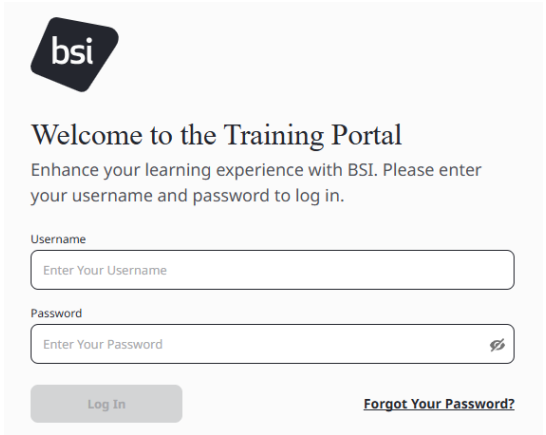

Danh mục đào tạo

Là đối tác để cùng bạn thúc đẩy sự tiến bộ, chúng tôi làm việc với các tổ chức như của bạn để hiểu mục tiêu của bạn và cách mà đào tạo và phát triển tạo ra thành công. Chúng tôi làm việc với bạn để tạo ra các chương trình đào tạo phù hợp và đáp ứng các mục tiêu chiến lược của bạn.

Chúng tôi có kinh nghiệm trong việc cung cấp đào tạo như một giải pháp toàn doanh nghiệp - trên nhiều phòng ban, địa điểm và khu vực - bằng cách sử dụng kết hợp các khóa học, trình độ và phương pháp phân phối.

Là Cơ quan tạo ra các tiêu chuẩn hàng đầu thế giới, chúng tôi cung cấp bộ hệ thống quản lý và đào tạo cải tiến kinh doanh toàn diện nhất nhằm trao quyền cho nhân viên của bạn, ở mọi cấp độ, để tăng năng suất và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Lộ trình hướng đến xác nhận năng lực chuyên môn Chuyên gia đánh giá từ BSI

Lựa chọn lĩnh vực mà bạn quan tâm:

ISO 9001

ISO 14001

ISO 13485

ISO 22000

ISO 50001

ISO 45001

ISO 22301

ISO/IEC 27001

ISO 20000

ISO 42001

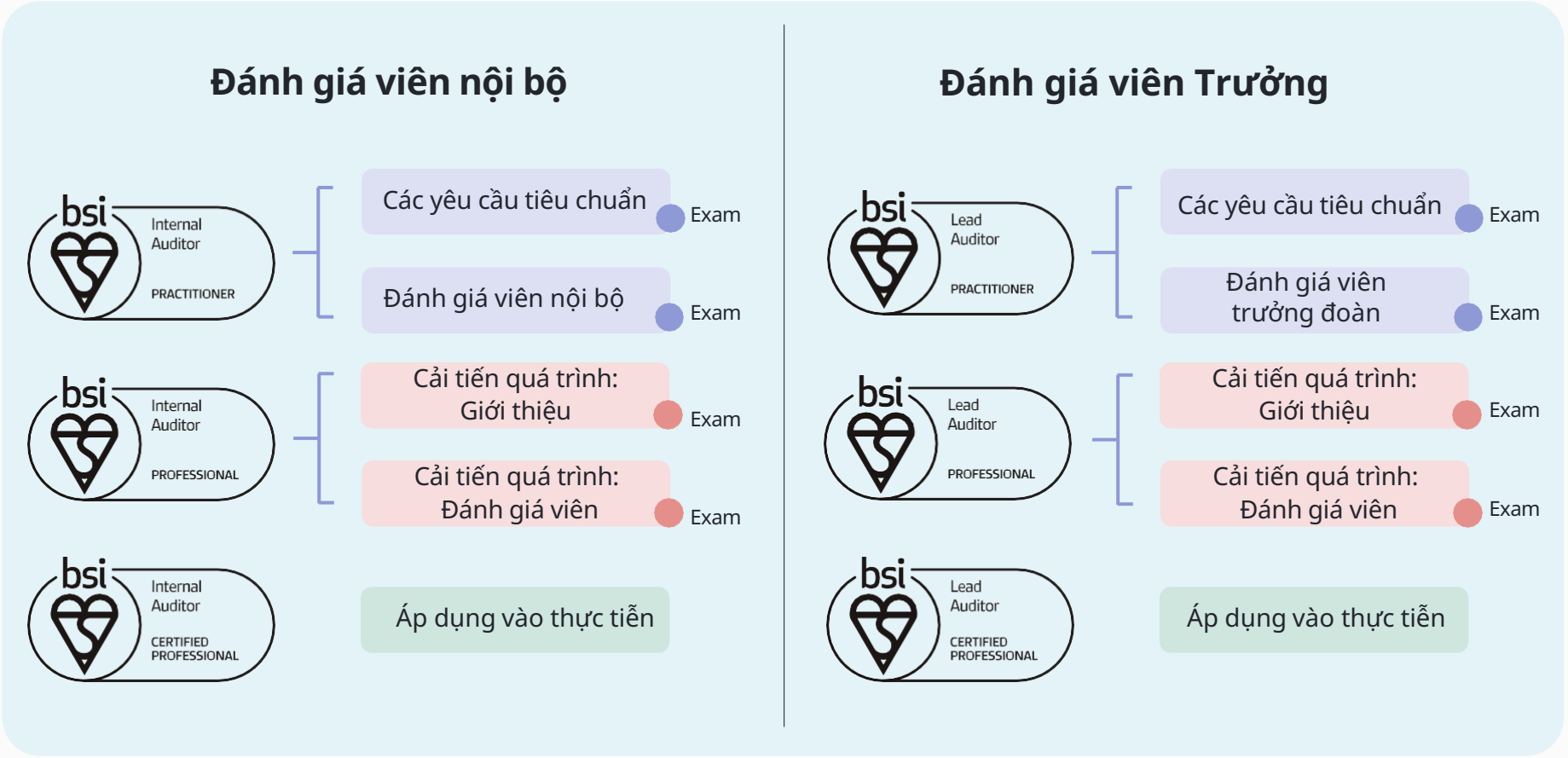

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Đánh giá viên Trưởng chứng nhận CQI/IRCA

KHÓA HỌC COURSE		Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
Lead Auditor Qualification Package/ **Lộ trình xác nhận năng lực Đánh giá viên Trưởng đoàn**																
ISO 9001:2015 Lead Auditor Practitioner Qualification *Lộ trình xác nhận năng lực Đánh giá viên Trưởng đoàn ISO 9001:2015 - Cấp độ Chuyên viên*	ISO 9001 Requirement Module/ *Học phần đào tạo Các yêu cầu ISO 9001*	0.5	Module/ Học phần	-	24/7 anytime & anywhere/ Học 24/7 linh hoạt về thời gian và địa điểm											
	CQI and IRCA Certified Course Đánh giá viên trưởng/ *Lead Auditor*	5	Classroom/Live Online	Book	5-9	2-6	16-20	13-17	18-22	15-19	13-17	17-21	21-25	19-23	23-27	14-18
ISO 14001:2015 Lead Auditor Practitioner Qualification *Lộ trình xác nhận năng lực Đánh giá viên Trưởng đoàn ISO 14001:2015 - Cấp độ Chuyên viên*	ISO 14001 Requirement Module/ *Học phần đào tạo Các yêu cầu ISO 14001*	0.5	Module/ Học phần	-	24/7 anytime & anywhere/ Học 24/7 linh hoạt về thời gian và địa điểm											
	CQI and IRCA Certified ISO 14001:2015 Đánh giá viên trưởng/ *Lead Auditor*	5	Classroom/Live Online	Book	19-23		23-27		11-15		20-24		14-18		16-20	
ISO 45001:2018 Lead Auditor Practitioner Qualification *Lộ trình xác nhận năng lực Đánh giá viên Trưởng đoàn ISO 45001:2018 - Cấp độ Chuyên viên*	ISO 45001 Requirement Module/ *Học phần đào tạo Các yêu cầu ISO 45001*	0.5	Module/ Học phần	-	24/7 anytime & anywhere/ Học 24/7 linh hoạt về thời gian và địa điểm											
	CQI and IRCA Certified ISO 45001:2018 Đánh giá viên trưởng/ *Lead Auditor*	5	Classroom/Live Online	Book	12-16	23-26		20-24		22-26		24-28		26-30		21-25
ISO 27001:2022 Lead Auditor Practitioner Qualification *Lộ trình xác nhận năng lực Đánh giá viên Trưởng đoàn ISO 27001:2022 - Cấp độ Chuyên viên*	ISO 27001 Requirement Module/ *Học phần đào tạo Các yêu cầu ISO 27001*	0.5	Module/ Học phần	-	24/7 anytime & anywhere/ Học 24/7 linh hoạt về thời gian và địa điểm											
	CQI and IRCA Certified ISO/IEC 27001 Đánh giá viên trưởng/ *Lead Auditor*	5	Classroom/Live Online	Book	19-23	9-13		6-10		8-12		10-14		12-16		7-11
ISO 13485:2016 Lead Auditor Practitioner Qualification *Lộ trình xác nhận năng lực Đánh giá viên Trưởng đoàn ISO 13485:2016 - Cấp độ Chuyên viên*	ISO 13485 Requirement Module/ *Học phần đào tạo Các yêu cầu ISO 50001*	0.5	Module/ Học phần	-	24/7 anytime & anywhere/ Học 24/7 linh hoạt về thời gian và địa điểm											
	CQI and IRCA Certified ISO 13485:2016 Đánh giá viên trưởng/ *Lead Auditor*	5	Classroom/Live Online	Book	26-30		30/3-3/4		25-29		27-31		28/9-2/10		30/11-4/12	
ISO 50001:2018 Lead Auditor Practitioner Qualification *Lộ trình xác nhận năng lực Đánh giá viên Trưởng đoàn ISO 50001:2018 - Cấp độ Chuyên viên*	ISO 50001 Requirement Module/ *Học phần đào tạo Các yêu cầu ISO 50001*	0.5	Module/ Học phần	-	24/7 anytime & anywhere/ Học 24/7 linh hoạt về thời gian và địa điểm											
	CQI and IRCA Certified ISO 50001:2018 Đánh giá viên trưởng/ *Lead Auditor*	5	Classroom/Live Online	Book		9-13		20-24		29/6-3/7			14-8		30/11-4/12	
ISO 22301:2019 Lead Auditor Practitioner Qualification *Lộ trình xác nhận năng lực Đánh giá viên Trưởng đoàn ISO 22301:2019 - Cấp độ Chuyên viên*	ISO 22301 Requirement Module/ *Học phần đào tạo Các yêu cầu ISO 22301*	0.5	Module/ Học phần	-	24/7 anytime & anywhere/ Học 24/7 linh hoạt về thời gian và địa điểm											
	CQI and IRCA Certified ISO 22301:2019 Đánh giá viên trưởng/ *Lead Auditor*	5	Classroom/Live Online	Book	5-9			20-24		29/6-3/7			14-18			14-18
ISO 20000-1:2018 Lead Auditor Practitioner Qualification *Lộ trình xác nhận năng lực Đánh giá viên Trưởng đoàn ISO 20000-1:2018 - Cấp độ Chuyên viên*	ISO 20000-1 Requirement Module/ *Học phần đào tạo Các yêu cầu ISO 20000-1*	0.5	Module/ Học phần	-	24/7 anytime & anywhere/ Học 24/7 linh hoạt về thời gian và địa điểm											
	CQI and IRCA Certified ISO/IEC 20000-1:2018 Đánh giá viên trưởng/ Lead Auditor	5	Classroom/Live Online	Book	26-30		9-13		4-8		27-31			12-16		21-25

© 2025 BSI. All rights reserved.

Danh mục Phát triển bền vững – Lộ trình xác nhận năng lực nhà quản lý ESG

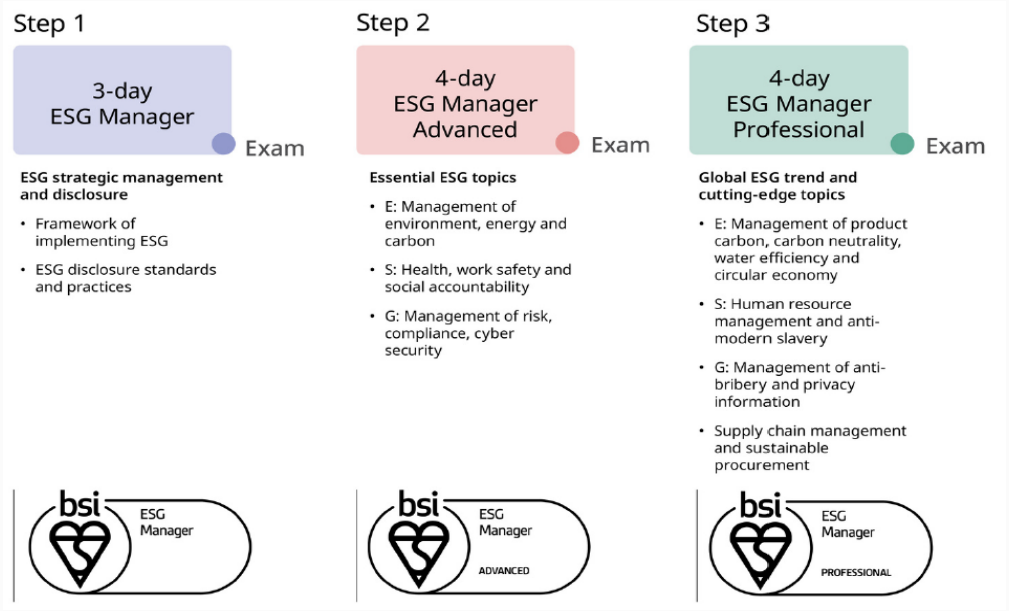

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
NHÀ QUẢN LÝ ESG/ ESG MANAGER															
Nhà quản lý ESG/ ESG Manager	3	Classroom/ Live Online	Book	7-9		18-20		6-8		8-10		9-11		4-6	
Nhà quản lý ESG nâng cao/ ESG Manager Advance	4				3-6		7-10		15-18		11-14		12-15	30/11- 3/12	
Nhà quản lý ESG chuyên nghiệp/ ESG Manager Professional	4					10-13		12-15		14-17		15-18		16-19	28-31

© 2025 BSI. All rights reserved.

Danh mục Phát triển bền vững – Lộ trình xác nhận năng lực KNK

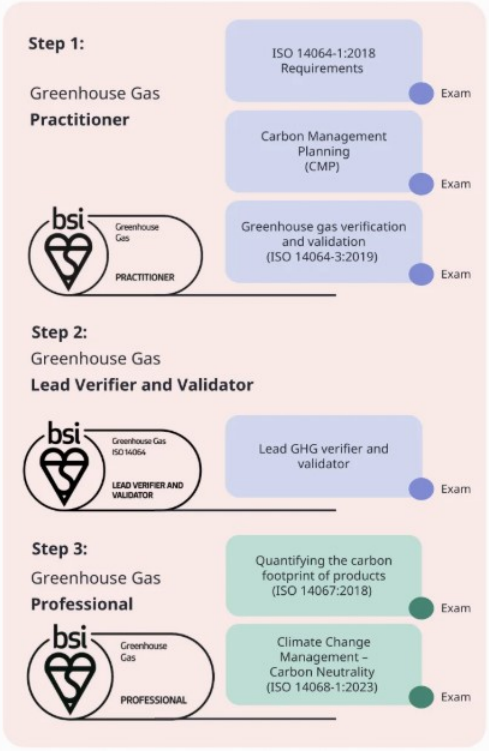

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH/ GREEN HOUSE GAS															
Lộ trình xác nhận năng lực Chuyên viên KNK/ GHG Practitioner Qualification															
Giới thiệu về Chương trình Khí nhà kính ISO 14064-1:2018 *ISO 14064-1:2018 Requirements*	1	Classroom/ Live Online	Book	12	24	23	20	19	22	21	18	22	19	23	21
Lập kế hoạch quản lý Carbon *Carbon Management Planning*	2	Classroom/ Live Online	Book	13-14	25-26	24-25	21-22	20-21	23-24	22-23	19-20	23-24	20-21	24-25	22-23
Thẩm định và kiểm tra xác nhận Khí nhà kính theo ISO 14064-3:2019 *ISO 14064-3:2019 Greenhouse gas verification and validation*	1	Classroom/ Live Online	Book	15	27	26	23	22	25	24	21	25	22	26	24
Lộ trình xác nhận năng lực Trưởng đoàn Kiểm tra xác nhận & Thẩm định KNK/ GHG Lead Verifier & Validator Qualification															
Trưởng đoàn Kiểm tra xác nhận & Thẩm định KNK *GHG Lead Verifier & Validator Qualification*	2	Classroom/ Live Online	Book	26-27		12-13		14-15	18-19	27-28		17-18	26-27		14-15
Lộ trình xác nhận năng lực Chuyên gia KNK/ *GHG Professional Qualification*															
ISO 14067:2018 Các yêu cầu về dấu chân Carbon của Sản phẩm (CFP)/ *Carbon Footprint of Products (CFP) Requirements*	2	Classroom/ Live Online	Book	19-20		5-6		7-8	11-12	9-10		7-8	15-16		1-2
ISO 14068-1:2023 Quản lý biến đổi khí hậu – Trung hòa Carbon *ISO 14068-1:2023 Climate Change Management – Carbon Neutrality*	2	Classroom/ Live Online	Book	26-27		12-13		14-15	18-19	27-28		17-18	26-27		14-15

© 2025 BSI. All rights reserved.

Danh mục Phát triển bền vững

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH/ GREEN HOUSE GAS															
Các khóa đào tạo khác/ Others															
ISO 14064-1:2018 Phương pháp xác định và báo cáo phát thải khí nhà kính/ *Quantification and Reporting of Greenhouse Gas Emissions*	3	Classroom /Live Online	Book	12-14	25-27	30/3-1/4	20-22	6-8	3-5	13-15	17-19	21-23	14-16	11-13	9-11
ISO 14064-1:2018 Phương pháp xác định và báo cáo phát thải khí nhà kính – Phạm vi 3/ *Quantification and Reporting of Greenhouse Gas Emissions – Scope 3*	3	Classroom /Live Online	Book	21-23		11-13		13-15		15-17		9-11		23-25	
Kiểm kê khí nhà kính cho ngành Công nghiệp Sắt – Thép *Green House Gas Inventory applied for Iron – Steel Industry*	2	Classroom /Live Online	Book		3-4		23-24		22-23		20-21		19-20		28-29
Kiểm kê khí nhà kính cho ngành Nông nghiệp *Green House Gas Inventory applied for Agriculture Industry*	2	Classroom /Live Online	Book	26-27		30-31		25-26		9-10		28-29		19-20	

© 2025 BSI. All rights reserved.

Danh mục Phát triển bền vững

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
CÁC KHÓA ĐÀO TẠO KHÁC./ OTHERS															
GRI Certified Training Course: Báo cáo Phát triển bền vững theo Tiêu chuẩn GRI / *Reporting with GRI Standards 2021 Update*	2	Classroom /Live Online	Book	8-9	12-13	12-13	16-17	28-29	29-30	27-28	27-28		1-2	5-6	10-11
Báo cáo Phát triển bền vững Ứng dụng cho Doanh nghiệp Việt nam *Sustainability Reporting Applying for Business Entity in Vietnam*	1	Classroom /Live Online	Book	21		10			15		21		22		28
Thực hiện Báo cáo Phát triển bền vững *Sustainability Reporting Implementation*	2	Classroom /Live Online	Book	26-27		30-31		14-15		23-24		17-18		26-27	
ISO 14044:2006 Quản lý môi trường - Đánh giá vòng đời - Các yêu cầu và hướng dẫn *Environmental management — Life cycle assessment — Requirements and guidelines*	2	Classroom /Live Online	Book	22-23	26-27		14-15		20-21		26-27		19-20		17-18
ISO 46001:2019 Nhận thức và triển khai Hệ thống quản lý Hiệu quả sử dụng nước /*Water Efficiency management system – Awareness and Implementation*	2	Classroom /Live Online	Book	15-16		16-17		21-22		13-14		28-29		19-20	
ISO 37106:2021 Mô hình vận hành thành phố thông minh/ *Smart City Operating Models*	1	Classroom /Live Online	Book	29			16				20			27	

© 2025 BSI. All rights reserved.

Danh mục Phát triển bền vững

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
ISO 14001:2015 - HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG/ ENVIRONMENTAL MANAGEMENT SYSTEM															
ISO 14001:2015 Nhận thức và Đánh giá viên nội bộ/ *Awareness and Internal Auditor* **Xác nhận năng lực đánh giá viên nội bộ ISO 14001 – Cấp chuyên viên** ***/ ISO 14001 Internal Auditor Practitioner Qualification***	3	Classroom/ Live Online	Book	12-14		16-18		11-13	24-26		3-5	28-30		2-4	
ISO 14001:2015 Nhận thức và Thực hành/ *Awareness and Implementation*	3	Classroom/ Live Online	Book		4-6		15-17			17-19			5-7		
ISO 14001:2015 Nhà thực hành chuyên sâu/ *Lead Implementer*	5	Classroom/ Live Online	Book	26-30				11-15			17-21			16-20	
ISO 50001:2018 - HỆ THỐNG QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG/ ENERGY MANAGEMENT SYSTEM															
ISO 50001:2018 Nhận thức và Đánh giá viên nội bộ/ *Awareness and Internal Auditor* **Xác nhận năng lực đánh giá viên nội bộ ISO 14001 – Cấp chuyên viên/** ***ISO 14001 Internal Auditor Practitioner Qualification***	3	Classroom/ Live Online	Book	26-28			13-15		10-12			9-11			16-18
ISO 50001:2018 Nhận thức và Thực hành/ *Awareness and Implementation*	3	Classroom/ Live Online	Book		9-11			25-27		20-22			21-23		28-30
Giới thiệu ISO 50001:2018 và Phương pháp sử dụng năng lượng hiệu quả/ *ISO 50001:2018 Introduction & Energy Efficiency Using*	2	Classroom/ Live Online	Book	8-9		16-17			1-2			14-15		26-27	
TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI/ CORPORATE SOCIAL RESPONSIBILITY															
Nhận thức và Thực hành HTQL Trách nhiệm Xã hội theo SA 8000:2014/ *SA 8000:2014 Awareness and Implementation*	3	Classroom/ Live Online	Book	7-9			6-8			13-15		7-9		9-11	
Nhận thức và Đánh giá viên nội bộ HTQL Trách nhiệm XH SA 8000:2014/ *SA 8000:2014 Awareness and Internal Auditor*	3	Classroom/ Live Online	Book	7-9		2-4		6-8			17-19		12-14		9-11
Chuyên viên quản lý Trách nhiệm xã hội/ *CSR Officer*	3	Classroom/ Live Online	Book		2-4		20-22		8-10			7-9			9-11

© 2025 BSI. All rights reserved.

Danh mục niềm tin kỹ thuật số

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
ISO 27001:2022 Nhận thức và Đánh giá viên nội bộ/ *Awareness and Internal Auditor* Xác nhận năng lực đánh giá viên nội bộ ISO 27001 – Cấp chuyên viên / *ISO 27001 Internal Auditor Practitioner Qualification*	3	Classroom/ Live Online	Book	7-9		11-13		13-15		15-17		14-16		18-20	
ISO 27001:2022 Nhận thức và Thực hành/ *Awareness and Implementation*	3	Classroom/ Live Online	Book		4-6		20-22		22-24		19-21		28-30		21-23
ISO 27001:2022 Nhà thực hành chuyên sâu/ *Lead Implementer*	5	Classroom/ Live Online	Book	12-16		23-27		25-29			10-14			16-20	
ISO 27002:2022 Hướng dẫn kiểm soát An toàn thông tin/ *Information Security Controls*	2	Classroom/ Live Online	Book		2-3		28-29			15-16			12-13		30-31
ISO/IEC 27005:2018 Quản lý rủi ro về bảo mật thông tin/ *Information security risk management*	2	Classroom/ Live Online	Book	27-28		26-27			29-30			17-18		26-27	
ISO 27701:2025 Nhận thức và Đánh giá viên nội bộ/ *Awareness and Internal Auditor*	3	Classroom/ Live Online	Book		25-27			11-13			24-26				
ISO 27701:2025 Nhận thức và Thực hành/ Awareness and Implementation	3	Classroom/ Live Online	Book	14-16		18-20			17-19			23-25			16-18
ISO/IEC 27017:2015 Giới thiệu về Kiểm soát an toàn thông tin cho dịch vụ đám mây/ Introduction on Information Security Controls for Cloud Service	1	Classroom/ Live Online	Book		25		17			21			15		
ISO/IEC 27018:2019 Bảo vệ thông tin nhận dạng cá nhân (PII) trên đám mây công cộng/ *Protecting Personally Identifiable Information (PII) in Public Clouds*	1	Classroom/ Live Online	Book	7		18		20			21			17	
PCI-DSS Giới thiệu về Lĩnh vực thẻ thanh toán – Tiêu chuẩn an toàn dữ liệu/ *Introduction on Payment Card Industry Data Security Standard*	2	Classroom/ Live Online	Book		11-12		16-17		18-19			21-22			28-29
BS 10012:2017 Nhận thức về Quản lý thông tin cá nhân/ *Awareness on Personal Information Management*	1	Classroom/ Live Online	Book	12		20			15		20		23		16

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Danh mục Trí tuệ nhân tạo

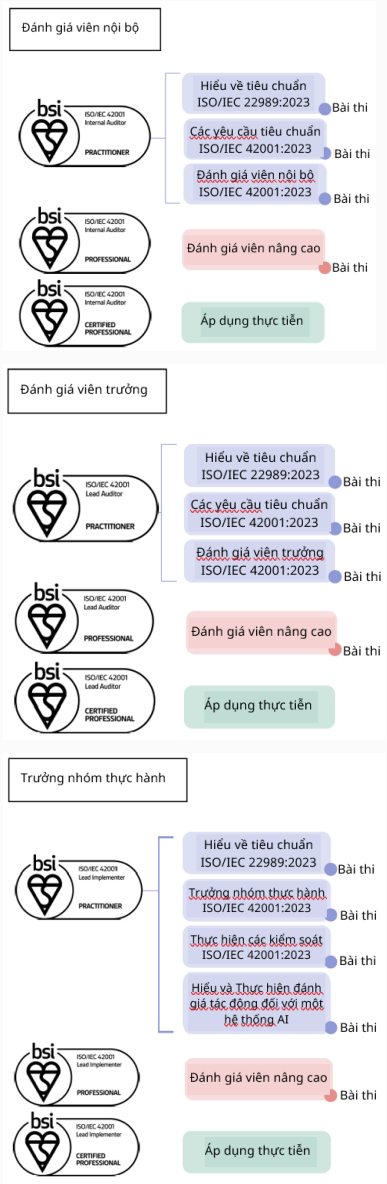

COURSE	Duration	Delivery Format	Link	JAN	FEB	MAR	APR	MAY	JUN	JUL	AUG	SEP	OCT	NOV	DEC
ISO/IEC 42001:2023 Các yêu cầu *ISO/ IEC 42001:2023 Requirements*	1	Classroom/ Live Online	Book	14		11		13		20		14		16	
ISO/IEC 42001:2023 Thực hành/ *ISO/IEC 42001:2023 Implementation*	2	Classroom/ Live Online	Book		9-10		6-7		8-9		17-18		8-9		10-11
ISO/IEC 42001:2023 Nhà thực hành chuyên sâu/ *Lead Implementer*	5	Classroom/ Live Online	Book			9-13				15-19			12-16		
ISO/IEC 42001:2023 Implementing Controls *ISO/IEC 42001:2023 Áp dụng các kiểm soát*	1	Classroom/ Live Online	Book	19			13		19			18			14
Understanding and Implementing an AI System Impact Assessment *Hiểu và thực hiện đánh giá tác động của một hệ thống AI*	1	Classroom/ Live Online	Book		9			15			28			9	
ISO/IEC 42001:2023 Đánh giá viên nội bộ/ *ISO/IEC 42001:2023 Internal Auditor*	2	Classroom/ Live Online	Book	15-16		12-13		14-15		21-22		15-16		17-18	
ISO/IEC 42001:2023 Đánh giá viên trưởng/ *ISO/IEC 42001:2023 Lead Auditor*	5	Classroom/ Live Online	Book		2-6				15-19				19-23		
ISO/IEC 22989:2023 Artificial intelligence concepts and terminology Understanding *Hiểu về ISO/IEC 22989:2023 Các thuật ngữ và định nghĩa về Trí tuệ nhân tạo*	1	Classroom/ Live Online	Book	16		20		13			21			26	

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Lộ trình xác nhận năng lực BIM

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
Chuyên viên thực hành Thông tin Dự án BIM / *BIM Project Information Practitioner*	4	Classroom/ Live Online	Book	12-15		10-13			5-8		10-13		6-9	10-13	
Chuyên viên thực hành Thông tin Tài sản BIM / *BIM Asset Information Practitioner*	4	Classroom/ Live Online	Book		3-6		14-17			13-16		22-25		23-26	
Chuyên gia thực hành Thông tin Dự án BIM / *BIM Project Information Professional*	2	Classroom/ Live Online	Book		9-10	30-31			28-29	6-7		7-8	29-30		3-4
Chuyên gia thực hành Thông tin Tài sản BIM / *BIM Asset Information Professional*	2	Classroom/ Live Online	Book			30-31			28-29		24-25		29-30		3-4

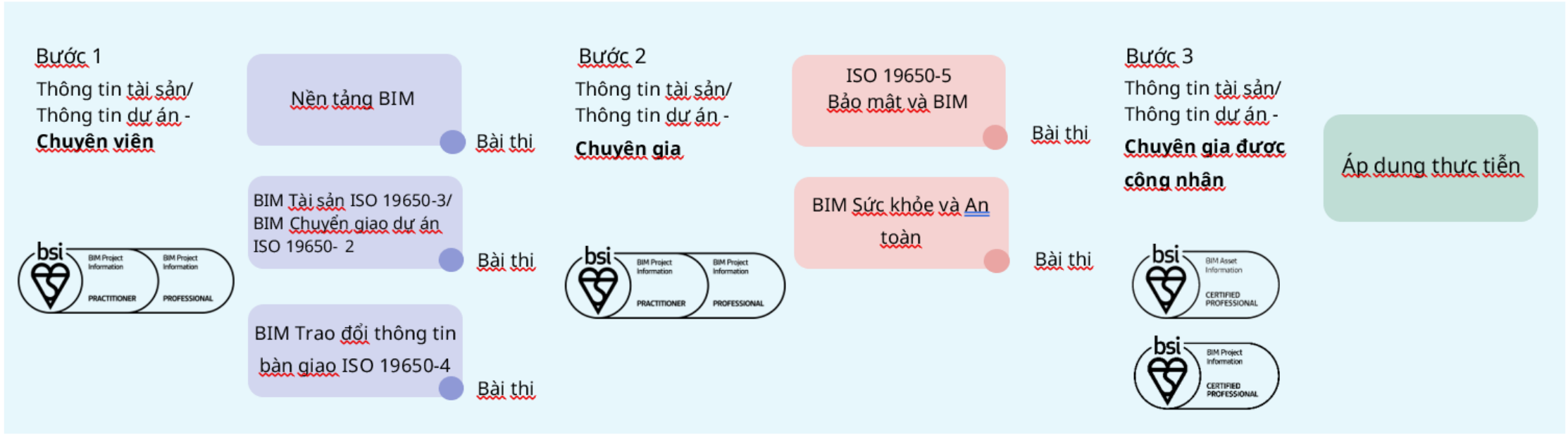

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Danh mục Môi trường xây dựng (BE)

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
ISO 55001:2014 - HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÀI SẢN/ ASSET MANAGEMENT SYSTEM															
Nền tảng của Quản lý Tài sản/ *Fundamentals of Asset Management*	2	Classroom/ Live Online	Book	26-27		16-17			11-12			17-18			10-11
Các yêu cầu của BS ISO 55001:2014/ *Requirements of BS 55001:2014*	1	Classroom/ Live Online	Book		9		15			14			15		
Các yếu tố cốt lõi để đánh giá BS ISO 55001:2014/ *Key Elements of Auditing BS ISO 55001:2014*	1	Classroom/ Live Online	Book	6		11		15			10			19	
ISO 41001:2018 - QUẢN LÝ CƠ SỞ HẠ TẦNG/ FACILITY MANAGEMENT															
ISO 41001:2018 Nhận thức và Đánh giá viên nội bộ/ *Awareness and Internal Auditor*	2	Classroom/ Live Online	Book	15-16		16-17			15-16		13-14		12-13		14-15
ISO 41001:2018 Nhận thức và Thực hành/ *Awareness and Implementation*	2	Classroom/ Live Online	Book		12-13			11-12		27-28		28-29		26-27	

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Danh mục Quản trị, Rủi ro và Tuân thủ

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHỐNG HỐI LỘ/ ANTI-BRIBERY MANAGEMENT															
ISO 37001:2016 Các yêu cầu *ISO 37001:2016 Requirements*	1	Classroom/ Live Online	Book		9		15		22		12		14		16
ISO 37001:2016 Thực hành/ *ISO 37001:2016 Implementation*	2	Classroom/ Live Online	Book		10-12		16-17		23-24		13-14		15-16		17-18
ISO 37001:2016 Đánh giá viên nội bộ/ *ISO 37001:2016 Internal Auditor*	2	Classroom/ Live Online	Book	15-16		5-6		14-15		13-14		17-18		19-20	
ISO 37001:2016 Đánh giá viên trưởng/ *ISO 37001:2016 Lead Auditor*	5	Classroom/ Live Online	Book			16-20			15-19				12-16		
ISO 22301:2019 - AN TOÀN VÀ LINH HOẠT – HỆ THỐNG QUẢN LÝ KINH DOANH LIÊN TỤC/ SECURITY AND RESILIENCE — BUSINESS CONTINUITY MANAGEMENT SYSTEM															
ISO 22301:2019 Nhận thức và Đánh giá viên nội bộ/ *Awareness and Internal Auditor* Xác nhận năng lực đánh giá viên nội bộ ISO 22301 – Cấp chuyên viên / *ISO 22301 Internal Auditor Practitioner Qualification*	3	Classroom/ Live Online	Book	12-14		2-4		4-6		20-22		14-16		25-27	
ISO 22301:2019 Nhận thức và Thực hành/ *Awareness and Implementation*	3	Classroom/ Live Online	Book		9-11		13-15			20-22			19-21		
Các Nguyên tắc và Thực hành Kế hoạch Kinh doanh liên tục/ *Business Continuity Plans (BCP) Principles & Practices*	1	Classroom/ Live Online	Book	9		16			12		3		19	27	
Phương pháp phân tích Tác động Kinh doanh/ *Methodology of Business Impact Analysis*	1	Classroom/ Live Online	Book	23			13		22	`		28			
Phương pháp Quản lý Khủng hoảng/ *Methodology of Crisis Management*	1	Classroom/ Live Online	Book		6			8			3			9	
ISO 31000:2018 – HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO/ RISK MANAGEMENT SYSTEM															
Tinh thông đánh giá rủi ro và tối ưu hóa quản lý rủi ro dựa trên hướng dẫn của ISO 31000:2018/ *Mastering risk assessment and optimizing risk management based on guidance of ISO 31000:2018*	3	Classroom/ Live Online	Book	12-14		23-25		25-27			3-5		19-21		14-16
Quản lý rủi ro chuỗi cung ứng - Tuyển chọn nhà cung ứng theo PAS 7000:2014/ *Supply Chain Risk Management - Supplier Prequalification according to PAS 7000:2014*	2	Classroom/ Live Online	Book	19-20			13-14			30-31			19-20		
Giới thiệu các yêu cầu của C-TPAT/ *C-TPAT Requirement*	2	Classroom/ Live Online	Book	26-27			6-7			30-31				23-24	
Quản lý Chuỗi cung ứng/ *Supply Chain Management*	3	Classroom/ Live Online	Book		26-27			25-26			17-18				14-15

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Danh mục ngành thực phẩm & Bán lẻ

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
ISO 22000:2018 Nhận thức và Đánh giá viên nội bộ/ *Awareness and Internal Auditor*	3	Classroom/ Live Online	Book	7-9		16-18		11-13			10-12			2-4	
ISO 22000:2018 Nhận thức và Thực hành/ *Awareness and Implementation*	3	Classroom/ Live Online	Book		4-6				17-19				26-28		
Quan điểm quản lý rủi ro cùng cấu trúc cấp cao theo ISO 22000:2018/ *ISO 22000:2018 FSMS Risked based thinking with HLS*	2	Classroom/ Live Online	Book	8-9			13-14				10-11				3-4
Nhận thức và Đánh giá viên nội bộ FSSC 22000 V.6/ *FSSC 22000 V.6 Awareness and Internal Auditor*	3	Classroom/ Live Online	Book	19-21		16-18		20-22		27-29		28-30		2-4	
Nhận thức và Thực hành FSSC 22000 V.6/ *FSSC 22000 V.6 Awareness and Implementing*	3	Classroom/ Live Online	Book		4-6		13-15			27-29			5-7		21-23
Hiểu và Cải tiến Văn hóa An toàn thực phẩm/ *Understanding and Improving your Culture of Food Safety*	1	Classroom/ Live Online	Book	19			13			6			5		
Hướng dẫn viết Kế hoạch HACCP và Áp dụng/ *Guide to Writing a HACCP Plan & Implementation*	2	Classroom/ Live Online	Book			2-4		11-13			24-26			23-25	
Nhận thức và Đánh giá nội bộ an toàn thực phẩm theo HACCP/ *HACCP Awareness & Internal Auditor*	3	Classroom/ Live Online	Book			16-18			17-19			28-30			2-4
Các công cụ kiểm soát rủi ro và an toàn thực phẩm hiện đại (HACCP, TACCP & VACCP) / *Modern food safety and risk control tools (HACCP, TACCP & VACCP)*	2	Classroom/ Live Online	Book		4-5			11-12			24-25			23-24	
FSPCA&PCQI: An toàn và kiểm soát phòng vệ thực phẩm/ *Preventive Controls for Human Food*	3	Classroom/ Live Online	Book			23-25				6-8			19-21		
Phân tích mối nguy và Kiểm soát các điểm giới hạn CCP/ *Hazard Analysis and Critical Control Points (CCP)*	2	Classroom/ Live Online	Book		4-5					6-7					3-4

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Danh mục ngành thực phẩm & Bán lẻ

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
Chương trình đánh giá điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm nhà hàng và khách sạn/ *Food Safety and Hygiene Audit Checklist in Restaurants and Hotels*	3	Classroom/ Live Online	Book	14-16			1-3			1-3			5-7		
Thiết kế khẩu phần dinh dưỡng cho nhà máy/ *Calculation of Nutrition for Factory Workers*	2	Classroom/ Live Online	Book			16-17			11-12					2-3	
BRCGS Global Standard for Food Safety Issue 9: Hiêu về tiêu chuẩn/ *Understanding requirements Training*	1	Classroom/ Live Online	Book			2		18			3			9	
BRCGS Global Standard for Food Safety Issue 9: Đào tạo đánh giá viên/ *Auditor Training*	3	Classroom/ Live Online	Book			3-5		19-21			4-6			10-12	
Chuyên viên quản lý chất lượng an toàn thực phẩm/ *Quality Officer for Food Safety*	3	Classroom/ Live Online	Book	12-14		9-11			8-10			14-16			7-9
Nhà quản lý chất lượng an toàn thực phẩm/ *Quality Manager for Food Safety*	5	Classroom/ Live Online	Book	12-16		9-13			8-12			14-18			7-11
CQI & IRCA Certified FSSC 22000 version 6.1 Đánh giá viên trưởng/ *Lead Auditor*	5	Classroom/ Live Online	Book			9-13			15-19			14-18			14-18
CQI and IRCA Certified ISO 22000:2018 Đánh giá viên trưởng/ *Lead Auditor*	5	Classroom/ Live Online	Book	19-23			13-17			20-24			12-16		

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Danh mục ngành Giao thông & Thiết bị di động

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
IATF 16949 & 5 Core tools															
Các yêu cầu của HTQL Chất lượng IATF 16949:2016/ *IATF 16949:2016 Requirements*	2	Classroom/ Live Online	Book	5-6		9-10		11-12		20-21		21-22		23-24	
Đánh giá viên nội bộ theo IATF 16949:2016/ *IATF 16949:2016 Internal Audit*	2	Classroom/ Live Online	Book	7-8		11-12		13-14		22-23		23-24		25-26	
5 Công cụ Kiểm soát, Cải tiến, và Quản lý theo IATF 16949:2016/ *5 Core Tools according to IATF 16949:2016*	4	Classroom/ Live Online	Book		24-27		6-9		1-4		10-13		19-22		1-4
Phân Tích Phương Thức Và Tác Động Sai Lỗi Của Quá Trình (PFMEA) Theo AIAG Và VDA/ *AIAG and VDA Process Failure Mode and Effects Analysis (PFMEA)*	2	Classroom/ Live Online	Book	5-6		9-10		13-14		20-21		21-22		23-24	
Kiểm soát quá trình bằng phương pháp thống kê/ *Statistical Process Control (SPC) Training Course*	3	Classroom/ Live Online	Book	5-7		30-31			15-16		10-11		19-20		3-4
Phân tích Hệ thống đo lường/ *Measurement Systems Analysis (MSA)*	2	Classroom/ Live Online	Book		2-3			11-12		22-23		23-24		25-26	
Phương pháp Hoạch định chất lượng trước khi sản xuất và Kế hoạch kiểm soát/ *Advanced Product Quality Planning (APQP) and Control Plan Methodology*	1	Classroom/ Live Online	Book		2		6		1		10		19		
Quá trình phê duyệt sản xuất/ *Production Part Approval Process (PPAP)*	1	Classroom/ Live Online	Book		3		7		2		11		20		

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Danh mục ngành Giao thông & Thiết bị di động

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
TISAX															
Giới thiệu về VDA ISA trên cơ sở TISAX® *Introduction to VDA ISA based on TISAX®*	1	Classroom/ Live Online	Book	12		9			15			7		23	
Triển khai thực hiện TISAX® *TISAX® Implementation*	2	Classroom/ Live Online	Book	13-14		10-11			15-16			8-9		24-25	
Đánh giá viên TISAX *TISAX Auditor*	1	Classroom/ Live Online	Book		9		13			15			19		
ISO 39001:2012 - AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ/ ROAD TRAFFIC SAFETY MANAGEMENT															
ISO 39001: 2012 Nhận thức và Đánh giá viên nội bộ/ *Awareness and Internal Auditor*	3	Classroom/ Live Online	Book			2-4			1-3			7-9			2-4
ISO 39001:2012 Nhận thức và Thực hành/ *Awareness and Implementation*	3	Classroom/ Live Online	Book		2-4			25-27			24-26			23-25	

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Danh mục ngành Thiết bị Y tế và Chăm sóc sức khỏe

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
ISO 13485:2016 Nhận thức và Đánh giá viên nội bộ/ *Awareness and Internal Auditor*	3	Classroom/ Live Online	Book	5-7		16-18		25-27		20-22		7-9		16-17	
ISO 13485:2016 Nhận thức và Thực hành/ *Awareness and Implementation*	3	Classroom/ Live Online	Book		2-4		6-8		3-5		17-19		26-28		7-9
Medical devices Risk Assessment and Management to ISO 14971:2019/ *Quản lý và đánh giá Rủi ro đối với thiết bị Y tế theo ISO 14971:2019*	2	Classroom/ Live Online	Book		2-3		6-7		29-30			3-4			3-4
Chương trình đánh giá một lần thiết bị y tế - Các yêu cầu cơ bản và Tính sẵn sàng/ *Medical Device Single Audit Program (MDSAP) Fundamentals and Readiness*	2	Classroom/ Live Online	Book	26-27		16-17		25-26		20-21			29-30		7-8
Hiểu về Quy định Hệ thống quản lý FDA 21 CFR Part 820/ *Understanding of FDA 21 CFR Part 820 Quality System Regulation*	2	Classroom/ Live Online	Book			2-3			4-5		17-18			2-3	

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Danh mục Sức khỏe, An toàn và Phúc lợi

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
ISO 45001: 2018 - HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP/ OCCUPATIONAL HEALTH AND SAFETY MANAGEMENT SYSTEMS															
ISO 45001:2018 Nhận thức và Đánh giá viên nội bộ/ *Awareness and Internal Auditor*	3	Classroom/ Live Online	Book	12-14		2-4	6-8		1-3	1-3	17-19	28-30		2-4	14-16
ISO 45001:2018 Nhận thức và Thực hành/ *Awareness and Implementation*	3	Classroom/ Live Online	Book			9-11		4-6			7-19			2-4	
ISO 45001:2018 Nhà thực hành chuyên sâu/ *Lead Implementer*	5	Classroom/ Live Online	Book	12-16			6-10			1-5			19-23		
ISO 45003: 2021 Nhận thức về An toàn và Sức khỏe tinh thần tại nơi làm việc/ *Awareness on Psychological health and safety at work*	1	Classroom/ Live Online	Book			9	28		1		17		19		14

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Danh mục Quản lý chất lượng

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
ISO 9001:2015 – HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯƠNG/ QUALITY MANAGEMENT SYSTEM															
ISO 9001:2015 Nhận thức và Đánh giá viên nội bộ/ *Awareness and Internal Auditor*	3	Classroom/ Live Online	Book	7-9	25-27	16-18	15-17	13-15	17-19	8-10	12-14	14-16	12-14	11-13	9-11
ISO 9001:2015 Nhận thức và Thực hành/ *Awareness and Implementation*	3	Classroom/ Live Online	Book	12-14		11-13		18-20		15-17		16-18		25-27	
ISO 9001:2015 Nhà thực hành chuyên sâu/ *Lead Implementer*	5	Classroom/ Live Online	Book		2-6		20-24				3-7		26-30		
ISO 17025:2017 – PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM NGHIỆM VÀ HIỆU CHUẨN/ TESTING AND CALIBRATION LABORATORIES															
ISO 17025:2017 Implementation / *Thực hành ISO 17025:2017*	2	Classroom/ Live Online	Book	8-9			13-14			20-21		28-29			17-18
ISO 17025:2017 Awareness & Internal Auditor / *Nhận thức và Đánh giá viên nội bộ ISO 17025:2017*	3	Classroom/ Live Online	Book	21-23		23-25			8-10		19-21		21-23		
ISO/IEC 20000-1:2018 – CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – QUẢN LÝ DỊCH VỤ/ INFORMATION TECHNOLOGY — SERVICE MANAGEMENT															
ISO/IEC 20000-1:2018 Nhận thức và Đánh giá viên nội bộ/ *Awareness and Internal Auditor*	3	Classroom/ Live Online	Book	5-7				20-22				23-25			28-30
ISO/IEC 20000-1:2018 Nhận thức và Thực hành/ *Awareness and Implementation*	3	Classroom/ Live Online	Book			18-20			22-24				5-7		
ISO/IEC 20000-1:2018 Nhà thực hành chuyên sâu/ *Lead Implementer*	5	Classroom/ Live Online	Book		9-13			11-15			17-21			16-20	
HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÍCH HỢP/ INTEGRATED MANAGEMENT SYSTEM															
Đánh giá viên nội bộ HTQL Tích hợp ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 & ISO 45001:2018/ *Internal Auditor according to ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, & ISO 45001:2018*	3	Classroom/ Live Online	Book	12-14		9-11		18-20		22-24		23-25		18-20	
Đánh giá viên trưởng HTQL Tích hợp Chất lượng, Môi trường & An toàn sức khỏe nghề nghiệp theo ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 & ISO 45001:2018/ *Lead Auditor training course according to ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, & ISO 45001:2018*	5	Classroom/ Live Online	Book	26-30		16-20			1-5		24-28		19-23		21-25

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Danh mục Lean, 6 Sigma và Lean 6 Sigma

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký LInk	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
Các sản phẩm Six Sigma/ Six Sigma products															
Lean Six Sigma Đai Trắng/ *Lean Six Sigma White Belt*	1	Classroom/ Live Online	Book	19		11		6		17		9		25	
Lean Six Sigma Đai Vàng/ *Lean Six Sigma Yellow Belt*	2	Classroom/ Live Online	Book	20-21		12-13		7-8		18-19		10-11		26-27	
Lean Six Sigma Nền tảng Đai Xanh/ *Lean Six Sigma Foundation Green Belt*	3	Classroom/ Live Online	Book		9-11		13-15		17-19		12-14		19-21		23-25
Six Sigma Đai Xanh/ *Six Sigma Green Belt*	3	Classroom/ Live Online	Book	26-28		18-20		20-22		22-24		29-30		30/11-2/12	
Six Sigma Đai Đen/ *Six Sigma Black Belt*	4	Classroom/ Live Online	Book		24-27		20-23		22-25		25-28		26-29		
Các sản phẩm Lean/ Lean products															
Nền tảng Lean/ *Lean Foundation*	1	Classroom/ Live Online	Book	16			15			23			16		29
Chuyên viên Lean/ *Lean Practitioner*	3	Classroom/ Live Online	Book		4-6			13-15			17-19			23-25	
Lãnh đạo Lean/ *Lean Leader*	4	Classroom/ Live Online	Book			24-27			2-5			14-17			15-18
Chuyên gia Lean/ *Lean Expert*	4	Classroom/ Live Online	Book	12-15			14-17			27-30			13-16		
Các sản phẩm quản lý sự thay đổi/ Change Management products															
Chuyên viên về thay đổi trong Tổ chức/ *Organizational Change Practitioner*	1	Classroom/ Live Online	Book	7		12				17		21			28
Lãnh đạo về thay đổi trong Tổ chức/ *Organizational Change Leader*	1	Classroom/ Live Online	Book		11			15			20		22		
Chuyên gia về thay đổi trong Tổ chức/ *Organizational Change Expert*	1	Classroom/ Live Online	Book	21			10			28				27	

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Danh mục Lean, 6 Sigma và Lean 6 Sigma

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký LInk	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
Các sản phẩm Lean Six Sigma/ Lean Six Sigma products															
IASSC Certified: Lean Six Sigma Đai Xanh/ *Lean Six Sigma Green Belt (LSGB)* (đủ điều kiện dự thi và nhận chứng nhận IASSC/ *with optional IASSC examination & certification)*	9	Classroom/ Live Online	Book	Phase 1: 19-22	Phase 2: 25-27	Phase 3: 9-11		Phase 1: 5-7 Phase 2: 26-29	Phase 3: 15-17			Phase 1: 7-10 Phase 2: 28 - 30	Phase 3: 14-16		
IASSC Certified: Lean Six Sigma Đai Đen/ *Lean Six Sigma Black Belt (LSBB)* (đủ điều kiện dự thi và nhận chứng nhận IASSC/ *with optional IASSC examination & certification)*	18	Classroom/ Live Online	Book	Phase 1: 19-22	Phase 2: 25-27	Phase 3: 9-11 Phase 4: 24-27	Phase 5: 12-15	Phase 1: 5-7 Phase 2: 26-29	Phase 3: 15-17	Phase 4: 7-10	Phase 5: 4-7	Phase 1: 7-10 Phase 2: 28 - 30	Phase 3: 14-16	Phase 4: 17-20	Phase 5: 8-11

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Danh mục Công cụ cải tiến quá trình

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
Nâng cao hiệu suất quá trình nhờ quản lý chuỗi giá trị/ *Enhancing Process Efficiencies with Value Stream Management*	2	Classroom/ Live Online	Book	19-20		12-13		7-8			10-12		1-2		10-11
Thực hành 5S & Kaizen / *5S Implementation & Kaizen*	2	Classroom/ Live Online	Book	26-27		5-6	16-17		1-2	30-31		7-8		2-3	
Phương pháp truy tìm nguyên nhân gốc hiệu quả/ *Methodology of Effective Root Cause Analysis*	2	Classroom/ Live Online	Book	26-27		19-20	20-21		29-30		6-7		1-2		14-15
7 công cụ kiểm soát chất lượng cơ bản/ *The Seven Basic Quality Control Tools*	3	Classroom/ Live Online	Book		2-4		8-10		1-3		10-12		19-21		7-9
7 Công cụ mới về Quản lý & Hoạch định/ *The Seven Management & Planning Tools*	3	Classroom/ Live Online	Book	19-21		23-25		18-20		20-22		7-9		9-11	
Kỹ thuật giải quyết vấn đề theo nhóm dựa trên 8 nguyên tắc/ *8-Disciplines Team-Oriented Problem-Solving Technique*	2	Classroom/ Live Online	Book		5-6		9-10			13-14			12-13		
Thiết kế thực nghiệm DOE / *Practical Design of Experiment (DOE)*	5	Classroom/ Live Online	Book			2-6			1-5		10-14			23-27	
Duy trì hiệu suất tổng thể: Chìa khóa hiệu lực năng suất/ *Total Productive Maintenance (TPM): Key To Production Effectiveness*	2	Classroom/ Live Online	Book	19-21		23-25		18-20		27-29		14-16	19-21		2-4

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Danh mục Công cụ cải tiến quá trình

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
Kỹ thuật triển khai và Quản lý PDCA hiệu quả/ *Effective PDCA Management & Deployment Techniques*	1	Classroom/ Live Online	Book	5		16			1			3			3
Phương pháp thiết lập chỉ số đo lường kết quả hoạt động (KPI)/ *Methodology of Setting Key Performance Indicator (KPI)*	2	Classroom/ Live Online	Book	5-6	26-27		2-3		1-2		3-4		12-13		3-4
Hệ thống thẻ điểm cân bằng/ *Balance Scorecard*	2	Classroom/ Live Online	Book	26-27		16-18		4-5		16-17		3-4		23-24	
Nền tảng của mẫu được chấp thuận/ *Fundamental of Acceptance Sampling*	2	Classroom/ Live Online	Book	19-20		16-17			22-23				5-6		
Phương pháp áp dụng Hệ thống Hiệu chuẩn có hiệu lực/ *Methodology of Implementing An Effective Calibration System*	2	Classroom/ Live Online	Book			2-4		25-26			13-14			23-24	
Phương pháp Phân tích Độ chụm và Độ tái lặp/ *Methodology of Gauge Repeatability and Reproducibility*	2	Classroom/ Live Online	Book		26-27		13-14			2-3		10-11			14-15
Thực hành hệ thống thông tin dạng văn bản có hiệu lực/ *Effective Implementation of Document Information Systems*	1	Classroom/ Live Online	Book	19		20		29			13			24	

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Danh mục Phát triển năng lực cá nhân

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
Nhà quản lý HSE (Chứng nhận từ BSI)/ *HSE Manager (BSI Certified)*	5	Classroom/ Live Online	Book	19-23	23-27	23-27	20-24	25-29	22-26	27-31	24-28	21-25	26-30	23-27	21-25
Quản lý OHS dành cho Quản đốc, Tổ trưởng/ *Managing OHS for Supervisor*	3	Classroom/ Live Online	Book	12-14	25-27		13-15		15-17		5-7		19-21		14-16
Kỹ năng Giám sát và Kiểm soát chất lượng/ *QA/QC skills*	3	Classroom/ Live Online	Book	7-9		23-25		11-13		1-3		7-9	26-28		2-4
Quản Lý Dự án/ *Project Management*	3	Classroom/ Live Online	Book	26-18			20-22			1-3		28-30		2-4	
Quản Lý Sự thay đổi/ *Change Management*	2	Classroom/ Live Online	Book			23-24		11-12			5-6			26-27	
Quản lý chất lượng toàn diện/ *Total Quality Management*	3	Classroom/ Live Online	Book	7-9	25-27		13-15		22-24			7-9		23-25	28-30
Đào tạo kỹ năng Huấn luyện/ *Train The Trainer*	3	Classroom/ Live Online	Book	21-23		18-20		25-27		8-10		28-30		2-4	
Kỹ năng Dịch vụ khách hàng/ *Customer Service Skills*	2	Classroom/ Live Online	Book			30-31		25-26			5-6				3-4
Kỹ năng Ủy thác hiệu quả và Tạo động lực/ *Effective Delegation and Motivation Skills*	2	Classroom/ Live Online	Book			30-31				8-9			5-6		
Kỹ năng Tổ chức và Hoạch định công việc/ *Planning & Organization Skills*	2	Classroom/ Live Online	Book				28-29			9-10			8-9		
Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hiệu quả/ *Effective Planning & Organizing Skills*	1	Classroom/ Live Online	Book		27		28		24		5			2	

© 2025 BSI. All rights reserved.

Lịch đào tạo – Danh mục Phát triển năng lực cá nhân

KHÓA HỌC COURSE	Số ngày đào tạo Duration	Hình thức đào tạo Delivery Format	Đăng ký Link	T1 JAN	T2 FEB	T3 MAR	T4 APR	T5 MAY	T6 JUN	T7 JUL	T8 AUG	T9 SEP	T10 OCT	T11 NOV	T12 DEC
Kỹ năng Đánh giá và Lãnh đạo theo tình huống/ *Employee Evaluation & Situational Leadership Skills*	2	Classroom/ Live Online	Book	19-20			1-2			27-28				2-3	
Kỹ năng Lãnh đạo tạo ảnh hưởng/ *Influencing Leadership Skills*	2	Classroom/ Live Online	Book		9-10			7-8				3-4			10-11
Kỹ năng Giám sát/ *Supervisor Skills*	3	Classroom/ Live Online	Book	2-4		23-25				1-3			5-7		
Nghệ thuật xử lý khiếu nại của khách hàng/ *The Art of Customer Complaint Handling*	2	Classroom/ Live Online	Book	2-3			6-7				3-4			12-13	
Kỹ năng Giao tiếp dành cho Đánh giá viên/ *Communication Skills for Auditor*	2	Classroom/ Live Online	Book			9-11			1-2				12-13		
Kỹ năng Giao tiếp hiệu quả/ *Effective Communication Skills*	2	Classroom/ Live Online	Book	29-30			16-17			13-14				5-6	
Nghệ thuật tạo động lực/ *The Art of Motivation*	2	Classroom/ Live Online	Book			16-17			22-23				19-20		
Kỹ năng Trình bày theo tình huống/ *Situational Presentation Skills*	2	Classroom/ Live Online	Book		26-27			6-8			24-25				3-4
Kỹ năng Hướng dẫn và Huấn luyện/ *Mentoring & Coaching Skills*	2	Classroom/ Live Online	Book	22-23			16-17					3-4			
Tư duy phản biện/ *Critical Thinking*	2	Classroom/ Live Online	Book	22-23				11-12				7-8			10-11
Tư duy sáng tạo đổi mới/ *Creative Thinking and Innovation*	2	Classroom/ Live Online	Book			19-20				27-28				23-24	

© 2025 BSI. All rights reserved.

Viện Tiêu Chuẩn Anh - BSI Việt Nam

+84 (28) 3820 0066 | Info.Vietnam@bsigroup.com

- **Văn phòng Chính**: Tầng 15, Tòa nhà APC, 518B Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- **Văn phòng Hà Nội**: Tầng 12, Tòa nhà 148 Tower, Số 148 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- **Văn phòng Đà Nẵng**: S10, Tầng 30, Tòa nhà 17 Quang Trung, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Bắt đầu hành trình học tập của bạn với **BSI Client Learning Portal**